TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2021/HSST
Ngày 09-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH P TH

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Phong

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2021/HSST ngày 01/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. ĐINH TUẤN A (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 1, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Trung L- sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không

Danh, chỉ bản số 005 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

2. TRẦN THANH Đ (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1963, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N (đã chết) và bà: Nguyễn Thị X (đã chết); có vợ là Trần Thị X, sinh năm 1965 và 03 người con.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ V 2 thuộc Đảng bộ Thị trấn C. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng đến hết ngày 13 tháng 7 năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh, chỉ bản số 011 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. NGUYỄN THANH G (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1992, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Phú T, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị S - Sinh năm 1956; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án; Tiền sự: Không

Danh, chỉ bản số 010 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

4. NGUYỄN NAM K (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng M, sinh năm 1962 và bà: Đinh Thị T - Sinh năm 1964; có vợ là Phí Thị Kim A, sinh năm 1992 và 01 con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 28/10/2020 bị Công an huyện Cẩm Khê xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc

Danh, chỉ bản số 006 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

5. TRẦN NGỌC N (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1980, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1952 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1956; có vợ là Trần Thị Thanh T, sinh năm 1978 và 02 người con.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ V 2 thuộc Đảng bộ Thị trấn C. Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng đến hết ngày 13 tháng 7 năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không ; Danh, chỉ bản số 009 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

6. TRẦN THANH B (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1964, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12 (hệ bổ túc); dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Bá T, sinh năm 1918 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1921 (đã chết); có vợ là Đinh Thị Đ, sinh năm 1969 và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ bản số 007 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

7. TRẦN VĂN L (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1990, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu V 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Mạnh C, sinh năm 1967 và bà: Trần Thị H, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ bản số 008 ngày 21 tháng 12 năm 2020 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2020, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2020, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, Trần Thanh Đ, sinh năm 1963; Nguyễn Thanh G, sinh năm 1992; Nguyễn Nam K, sinh năm 1990; Trần Ngọc N, sinh năm 1980; Trần Văn L, sinh năm 1990, đều ở khu V 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ và Đinh Tuấn Anh, sinh năm 1990 ở khu Văn Phú 1, thị trấn Cẩm Khê, đến nhà Trần Thanh B, sinh năm 1964 ở cùng khu Văn Phú 2, thị trấn Cẩm Khê để chơi. Tại đây, Đ, G, K, N, L, Tuấn A và B cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Các đối tượng ngồi thành vòng tròn trên 01 chiếc mành cọ đã được trải sẵn trên nền phòng khách nhà B. L chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 Q bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long để dùng đánh bạc. Các đối tượng thống nhất đặt cửa mỗi ván thấp nhất là 20.000đ/ván, ai đặt cao hơn thì tuỳ. L là người cầm cái xóc đĩa ván đầu tiên. Các đối tượng không phải nộp tiền "hồ" (tiền thuê địa điểm đánh bạc) cho ai.

Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Thành G có 1.620.000đ, Nguyễn Nam K có 1.180.000đ, Trần Thanh Đ có 650.000đ, Trần Văn L có 3.630.000đ, Trần Thanh B có 1.730.000đ và đều sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc. Trần Ngọc N có 10.270.000đ, N chỉ lấy ra 1.270.000đ để đánh bạc, còn số tiền 9.000.000đ, N khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đinh Tuấn A có 7.410.000đ, Tuấn A chỉ lấy ra 1.610.000đ, số tiền còn lại là 5.800.000đ, Tuấn A khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.690.000đ (mười một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Về hình thức đánh xóc đĩa các đối tượng quy định cụ thể như sau: *Người cầm cái cho 04 Q bài vào trong 01 đĩa sứ, úp bát sứ lên rồi xóc và đặt ra giữa chiếu bạc. Những người chơi bắt đầu đặt cược ở cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Sau khi người chơi đặt cược xong thì người cầm cái mở bát ra để xem kết quả. Nếu có 02 Q bài hoặc 04 Q bài cùng màu thì người đặt cửa chẵn thắng, người đặt cửa lẻ thua. Nếu kết quả là có 03 Q bài cùng màu, 01 Q bài còn lại khác màu thì người đặt cửa lẻ thắng, người đặt cửa chẵn thua. Người cầm cái sẽ thu tiền đã đặt cửa của người thua bạc và trả cho người thắng bạc số tiền tương ứng với số tiền mà họ đã đặt cửa.*

Với hình thức và số tiền đánh bạc như trên, các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

- Tại nơi ngồi đánh bạc: 01 (một) mành cọ; 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 04 (bốn) Q bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long và số tiền 8.450.000đ (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ tại túi quần bên trái của Trần Ngọc N số tiền 500.000đồng, tại túi áo ngực bên trái của N số tiền 9.000.000đồng. Tại chỗ N khai không sử dụng số tiền 9.000.000đ này vào mục đích đánh bạc.

- Tạm giữ tại túi quần bên phải của Trần Thanh B số tiền 730.000 đồng

- Tạm giữ tại túi quần bên phải của Trần Văn L số tiền 2.010.000đồng

- Tạm giữ tại túi quần bên trái của Đinh Tuấn A số tiền 5.800.000đồng. Tại chỗ Đinh Tuấn A khai không sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc.

Quá trình các đối tượng đánh bạc, có A Trần Hồng Q, sinh năm 1989 ở khu V 2, thị trấn C (là con trai ông B) đến ngồi xem, không tham gia đánh bạc.

Cáo trạng số 17/CT-VKSCK-HS ngày 21/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 điều 321Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nam K, Đinh Tuấn Anh, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B và Trần Văn L phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Nam K, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với các bị cáo: Trần Văn L, Đinh Tuấn Anh, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B.

Xử phạt tiền: Bị cáo L từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng. Bị cáo B, G, Tuấn Anh, N mỗi bị cáo từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Bị cáo Đ từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng, để sung Ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mành cọ, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 Q bài hình tròn;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền: 11.6900.000đồng;

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc N số tiền 9.000.000đồng

- Trả lại cho bị cáo Đinh Tuấn A 5.800.000đồng

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là có cùng nhau tham gia đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, thời gian vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, tại nhà ở của Trần Thanh B, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 11.690.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vậy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây

hoang mang, bất B trong quần chúng nhân dân, hơn nữa đánh bạc là tệ nạn xã hội th- ờng dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác, các bị cáo là người có năng L trách nhiệm hình sự, điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện, rèn luyện bản thân, mà coi thường pháp luật, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Song khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều đ- ợc h- ởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi c- trú cụ thể rõ ràng, ở địa phương chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, nên xét thấy ch- a cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đinh Tuấn A, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B, Trần Văn L cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành ng- ời tốt. Tuy nhiên số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc khác nhau nên mức phạt tiền là khác nhau.

Riêng bị cáo Nguyễn Nam K bản thân chưa có tiền án nhưng nhân thân đã một lần vi phạm pháp luật về hành vi cùng loại, bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học cho chính mình nay lại tiếp tục vi phạm, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giáo dục, răn đe bị cáo trở thành ng- ời có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy bị cáo Nguyễn Nam K không có tài sản, hiện nay đang ở cùng với bố mẹ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Tuy nhiên trong thời gian chấp hành án buộc bị cáo Nguyễn Nam K phải thực hiện một số nghĩa vụ về cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là 10% để sung vào ngân sách nhà nước.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Xét thấy các vật chứng gồm: 01 mành cọ, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 Q bài hình tròn, đây là vật có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; Số tiền 11.690.000 đồng, là tiền có liên quan đến tội phạm (các bị cáo đã dùng để đánh bạc) nên cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

Còn lại số tiền 9.000.000đồng thu giữ của Trần Ngọc N và 5.800.000 đồng thu giữ của Đinh Tuấn A, xét thấy đây là tài sản của các bị cáo không liên

quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Nam K

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS đối với bị cáo: Đinh Tuấn A, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B và Trần Văn L

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Nam K, Đinh Tuấn A, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B và Trần Văn L phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03(Ba) ngày tạm giữ (từ ngày 20/12/2020 đến ngày 23/12/2020) quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo K còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Nam K cho UBND Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Nam K là 10% bằng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng, để sung vào ngân sách nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hàng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp các bị cáo không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian chấp hành hình phạt, Nguyễn Nam K phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt tiền các bị cáo: Trần Văn L 27.000.000đ (Hai bảy triệu đồng); Đinh Tuấn A 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); Nguyễn Thanh G 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); Trần Thanh B 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); Trần Ngọc N 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng); Trần Thanh Đ 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), để sung vào ngân sách nhà nước. Thời hạn nộp tiền kể từ khi bản án có hiệu L pháp luật.

[2]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) mành cọ, 01(một) bát sứ, 01(một) đĩa sứ và 04(bốn) Q bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền: 11.690.000đ (Mười một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc N số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng); bị cáo Đinh Tuấn A số tiền 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 01/4/2021).

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Nguyễn Nam K, Đinh Tuấn A, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thanh G, Trần Ngọc N, Trần Thanh B, Trần Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Huyện Cẩm Khê;
- CQĐT - Công an huyện Cẩm khê;
- CQCSTHAHS-CA huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Thị Hồng